

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2014

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Hà Nội, tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	
			Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		192.922.579.165	119.440.352.354
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	77.086.650.648	63.559.688.166
1. Tiền	111		25.305.888.143	9.245.937.019
2. Các khoản tương đương tiền	112		51.780.762.505	54.313.751.147
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	8.500.000.000	9.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		8.500.000.000	9.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.038.742.453	36.399.307.250
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	53.089.324.381	24.804.877.019
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	4.683.558.714	11.478.842.406
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	381.242.886	265.300.042
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(115.383.528)	(149.712.217)
IV. Hàng tồn kho	140		20.853.971.151	4.363.586.745
1. Hàng tồn kho	141	V.7	20.853.971.151	4.363.586.745
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.443.214.913	6.117.770.193
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1.086.036.586	5.519.487
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		25.346.568.515	5.790.528.704
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	1.969.869.812	311.722.002
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	40.740.000	10.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		545.842.100.768	298.455.388.377
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		520.980.365.409	287.071.528.675
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	503.178.242.243	282.314.708.678
<i>Nguyên giá</i>	222		648.099.446.361	388.429.610.936
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(144.921.204.118)	(106.114.902.258)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	3.658.198.459	3.980.875.543
<i>Nguyên giá</i>	228		5.851.969.885	5.851.969.885
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.193.771.426)	(1.871.094.342)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	14.143.924.707	775.944.454
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20.666.705.369	11.207.828.910
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	16.486.346.429	7.178.757.410
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	4.180.358.940	4.029.071.500
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.195.029.990	176.030.792
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	2.463.909.970	32.859.853
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	1.731.120.020	143.170.939
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		738.764.679.933	417.895.740.731

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		302.830.126.851	98.864.079.920
I. Nợ ngắn hạn	310		108.552.928.108	47.081.526.471
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	56.434.623.190	18.647.954.131
2. Phải trả người bán	312	V.19	30.047.820.570	14.866.484.210
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	91.742.723	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	1.425.380.316	1.649.555.114
5. Phải trả người lao động	315		11.796.163.496	7.689.091.387
6. Chi phí phải trả	316	V.22	533.793.317	220.731.687
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	1.385.231.849	244.477.076
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	6.838.172.647	3.763.232.866
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		194.277.198.743	51.782.553.449
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.25	60.000.000.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	134.277.198.743	51.782.553.449
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		435.934.553.082	319.031.660.811
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.27	435.934.553.082	319.031.660.811
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		231.962.320.000	231.962.320.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58.788.380.922	38.385.998.922
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.571.030.000)	(36.575.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		30.255.263.536	14.430.466.733
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		15.675.807.273	7.763.408.871
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		101.823.811.351	63.064.466.285
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		738.764.679.933	417.895.740.731

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối quý	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		194,981,46	28,293,00
Euro (EUR)		46,11	46,02
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 05 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc



Êu Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 Triệu Việt Vương, Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc này 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2014**

Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Quý 4		Lũy kế	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	154.451.174.911	68.547.555.686	430.672.926.824	223.575.369.954
2. Các khoản giảm trừ	03		0	0		
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01-03)	10		154.451.174.911	68.547.555.686	430.672.926.824	223.575.369.954
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	97.417.733.715	36.689.963.002	271.537.375.546	123.784.053.927
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20		57.033.441.196	31.857.592.684	159.135.551.278	99.791.316.027
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.803.776.317	1.832.594.967	6.983.346.816	4.462.133.456
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.660.407.155	2.281.341.560	7.928.118.923	6.558.878.471
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.609.091.792	1.397.450.039	5.555.661.561	5.496.483.196
8. Chi phí bán hàng	24		0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	8.896.635.684	7.214.229.795	27.353.539.390	17.607.507.960
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		46.280.174.674	24.194.616.296	130.837.239.781	80.087.063.052
11. Thu nhập khác	31	VI.6	615.274.420	612.727.754	632.944.954	1.430.132.003
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.226.894.483	1.199.702.120	2.557.659.519	1.596.797.793
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.611.620.063)	(586.974.366)	(1.924.714.565)	(166.665.790)
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết	45	VI.8	(627.404.907)	2.044.890.146	6.807.589.019	3.381.792.235
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		44.041.149.704	25.652.532.076	135.720.114.235	83.302.189.497
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(7.772.038.540)	240.028.200	2.567.905.083	796.413.246
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0		
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		51.813.188.244	25.412.503.876	133.152.209.152	82.505.776.251

Lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung

Lập ngày 05 tháng 02 năm 2015

Tổng giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		135.720.114.235	83.302.189.497
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		42.328.722.467	33.381.444.206
- Các khoản dự phòng	03		(34.328.689)	12.993.517
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.376.135.849	766.545.555
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.106.935.012)	(3.244.097.695)
- Chi phí lãi vay	06		5.555.661.561	5.496.483.196
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		179.839.370.411	119.715.558.276
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(42.785.490.000)	(10.008.521.388)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.490.384.406)	(3.253.381.026)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		82.481.269.133	8.509.570.150
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(17.248.164.494)	235.547.724
- Tiền lãi vay đã trả	13		(5.497.599.931)	(5.587.774.878)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.464.555.586)	(742.973.264)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.270.736.673)	(47.399.982)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		171.563.708.454	108.820.625.612
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(263.503.560.525)	(4.695.096.234)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		390.502.727	1.222.727.275
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.500.000.000)	(9.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(9.458.876.459)	(5.481.792.235)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		279.587.191	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.665.262.235	3.556.232.420
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(266.127.084.831)	(14.397.928.774)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		54.406.352.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		133.525.460.538	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(15.330.730.576)	(28.244.589.184)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(64.537.110.000)	(48.806.930.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>108.063.971.962</i>	<i>(77.051.519.184)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		13.500.595.585	17.371.177.654
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	63.559.688.166	46.187.337.339
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		26.366.897	1.173.173
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>77.086.650.648</u>	<u>63.559.688.166</u>

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 05 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc



Đa Minh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 4 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An năm 2014 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (công ty mẹ) và công ty con (gọi chung là Công ty).

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh : Cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải đường biển
- Tổng số các công ty con : 01
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0

5. Danh sách công ty con được hợp nhất

Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An có 01 công ty con như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	100%	100%

6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Gồm 02 công ty liên kết của Công ty con như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	Tầng 3 tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đinh Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	36%	20%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Tầng 2 tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đinh Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	50%	50%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bưởi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

***1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tài và Xếp dỡ Hải An (công ty mẹ) đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tài và Xếp dỡ Hải An (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi; căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-8
Tài sản cố định khác	3 – 5

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 35 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính được thực hiện theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. Theo đó, thời điểm lập các khoản dự phòng là thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Trường hợp doanh nghiệp được Bộ Tài chính chấp thuận áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch (bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc 31/12 hàng năm) thì thời điểm lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là ngày cuối cùng của năm tài chính.

Đối với các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ thì được trích lập và hoàn nhập dự phòng ở cả thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại thời điểm lập báo cáo 31/12/2014:

- Công ty đầu tư vào mã cổ phiếu MAC, MHC có giá thị trường cao hơn giá trị gốc ghi nhận trên sổ kế toán nên Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.
- Khoản vốn góp tại Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải Đa phương thức: Do trong năm tài chính công ty có lãi (theo BC kết quả hoạt động kinh doanh) nên công ty sẽ không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tái chính vào thời điểm cuối năm tài chính.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa văn phòng

Chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

16. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

17. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

18. Cổ tức

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

19. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2013: 21.090 VND/USD
	26.203,50 VND/EUR
	31/12/2014: 21.377 VND/USD
	25.741 VND/EUR

22. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

23. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

24. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

26. Báo cáo bộ phận

Công ty xác định bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động kinh doanh, theo đó có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế theo từng hoạt động.

Từ năm 2013 trở về trước, Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực khai thác Cảng nên không thực hiện Báo cáo bộ phận.

Nhưng từ tháng 5/2014 Công ty mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh mới là khai thác tàu biển, nên từ năm 2014 công ty sẽ thực hiện Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Khai thác Cảng và khai thác tàu.

Báo cáo bộ phận được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	776.796.301	453.285.319
Tiền gửi ngân hàng	24.529.091.842	8.792.651.700
Các khoản tương đương tiền	51.780.762.505	54.313.751.147
Cộng	<u>77.086.650.648</u>	<u>63.559.688.166</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cho vay ngắn hạn				
Cho Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An vay		-		9.000.000.000
Cho Công ty CP dịch vụ tổng hợp Hải An vay	1.000.000.000			-
Cho Công ty CP đầu tư và vận tải Hải Hà vay	7.500.000.000			-
Cộng	<u>8.500.000.000</u>			<u>9.000.000.000</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	6.003.943.872	1.458.025.630
Kawasaki Kisen Kaisha	-	1.175.016.696
Ooel Viet Nam Co.,Ltd	861.689.887	2.188.052.768
Công ty TNHH Hanjin Shipping Việt Nam	2.288.160.324	1.452.196.512
Yang Ming Marine Transport Corp	4.266.281.236	3.837.724.507
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	165.926.306	2.706.988.185
Công ty Cổ phần Hàng hải Macs	258.462.943	188.912.425
Pendulum Express Lines Pte Ltd	14.568.236.315	2.264.022.891
VNT Logistics	-	5.265.119.978
Công ty TNHH Huynhdai Merchant Marime Việt Nam	645.269.381	553.464.870
Chi nhánh Công ty TNHH APL-NOL Việt Nam tại Tp Hải Phòng	-	375.224.844
Công ty Vận tải biển Container Vinalines	-	217.415.139
Orient Express Lines (Singapore) Pte Ltd	2.036.202.004	-
Công ty CP Hàng Hải Đông Đô	2.070.003.457	-
Công ty TNHH "K"Line (Việt Nam)	1.322.902.664	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi nhánh Công ty CP giao nhận vận tải ngoại thương tại HP	7,146.947.222	-
Công ty TNHH Transword GLS Việt Nam	2,070.852.411	-
Công ty TNHH Mitsui O.S.K lines (Việt Nam)	752.750.439	-
Công ty TNHH TM và vận tải Tín Phát	859.000.000	-
Công ty TNHH khoáng sản công nghiệp Việt Sơn	993.400.000	-
Công ty TNHH MTV vận tải và dịch vụ hàng hải Hải Phòng	47.600.000	-
Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn	333.500.000	-
A.P.Moller-Maersk A/S	270.394.127	-
Các đối tượng khác	6.127.801.793	3.122.712.574
Cộng	53.089.324.381	24.804.877.019

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Kirow Ardel AG	515.789.082	5.770.248.025
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 5	-	2.400.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex Phan Vũ	1.464.220.000	1.464.220.000
Trung tâm tư vấn Phát triển Công nghệ Xây dựng Hàng hải	700.000.000	700.000.000
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng Hải Miền Bắc	239.222.508	239.222.508
Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội	-	90.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Bách Khoa	-	55.000.000
Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	64.944.000	25.619.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Công trình thủy - CIENCO1	240.161.833	3.227.833
CN CÔNG TY CP TM CƠ KHÍ TÂN THANH HẢI PHÒNG	42.400.000	-
Công ty cổ phần đầu tư CM	30.000.000	-
MAN DIESEL AND TURBO DANISH BRANCH OF MAN DIESEL AND TURBO SE, GERMANY	740.669.367	-
Các đối tượng khác	646.151.924	731.305.040
Cộng	4.683.558.714	11.478.842.406

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu tạm tính	197.002.978	-
Phải thu thuế TNCN	-	30.885.436

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lãi tiền gửi dự thu	-	225.818.539
Các khoản phải thu khác	184.239.908	8.596.067
Cộng	381.242.886	265.300.042

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	149.712.217	-
Trích lập dự phòng bổ sung	32.966.722	149.712.217
Hoàn nhập dự phòng	(67.295.411)	-
Số cuối năm	115.383.528	149.712.217

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên, nhiên, vật liệu	20.852.831.151	4.362.446.745
Công cụ, dụng cụ	1.140.000	1.140.000
Cộng	20.853.971.151	4.363.586.745

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phân bổ chi phí bảo hiểm P&I của tàu Hải An Song	152.005.077	-
Phân bổ chi phí vật tư tàu Hải An Song	892.960.867	-
Chi phí CCDC	41.070.642	5.519.487
Cộng	1.086.036.586	5.519.487

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.966.714.412	311.722.002
Thuế nhập khẩu nộp thừa	3.155.400	-
Cộng	1.969.869.812	311.722.002

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ ngắn hạn	40.740.000	10.000.000
Cộng	40.740.000	10.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bưởi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bầu thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	193.323.177.210	189.992.719.402	4.436.072.733	677.641.591	388.429.610.936
Tăng trong năm do mua sắm, xây dựng cơ bản hoàn thành	5.223.270.066	80.268.910.886	178.011.379.573	-	263.503.560.525
Giảm trong năm do thanh lý	-	(3.833.725.100)	-	-	(3.833.725.100)
Số cuối năm	198.546.447.276	266.427.905.188	182.447.452.306	677.641.591	648.099.446.361
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	43.057.621.005	61.739.314.018	729.079.642	588.887.593	106.114.902.258
Tăng trong năm do khấu hao	12.196.031.070	21.603.838.499	8.170.001.915	36.173.899	42.006.045.383
Giảm trong năm do thanh lý	-	(2.831.126.498)	-	-	(2.831.126.498)
Giảm trong năm do tăng thời gian khấu hao theo BBKT của cơ quan thuế	-	(205.563.887)	(163.053.138)	-	(368.617.025)
Số cuối năm	55.253.652.075	80.306.462.132	8.736.028.419	625.061.492	144.921.204.118
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	150.265.556.205	128.253.405.384	3.706.993.091	88.753.998	282.314.708.678
Số cuối năm	143.292.795.201	186.121.443.056	173.711.423.887	52.580.099	503.178.242.243

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý công	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.945.015.236	906.954.649	5.851.969.885
Số cuối năm	<u>4.945.015.236</u>	<u>906.954.649</u>	<u>5.851.969.885</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.402.501.101	468.593.241	1.871.094.342
Tăng trong năm do khấu hao	141.286.152	181.390.932	322.677.084
Số cuối năm	<u>1.543.787.253</u>	<u>649.984.173</u>	<u>2.193.771.426</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.542.514.135	438.361.408	3.980.875.543
Số cuối năm	<u>3.401.227.983</u>	<u>256.970.476</u>	<u>3.658.198.459</u>

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	270.719.278.655	260.094.262.869	10.625.015.786
XDCB dở dang	775.944.454	5.377.047.339	5.359.885.521	793.106.272
Sửa chữa lớn TSCĐ		2.725.802.649	-	2.725.802.649
Cộng	<u>775.944.454</u>	<u>278.822.128.643</u>	<u>265.454.148.390</u>	<u>14.143.924.707</u>

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An (i)	100.000	1.804.014.513	100.000	1.353.777.873
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An(ii)	500.000	14.682.331.916	250.000	5.824.979.537
Cộng		<u>16.486.346.429</u>		<u>7.178.757.410</u>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy đăng ký thuế số 0201275526 ngày 14 tháng 8 năm 2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An (trước đây là Công ty cổ phần dịch vụ hàng hải HAS) 1.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã đầu tư đủ 1.000.000.000 VND tương đương 20% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy đăng ký thuế số 0201244461 ngày 01 tháng 3 năm 2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An 5.000.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty đã đầu tư đủ 5.000.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Công ty tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá gốc khoản đầu tư	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Phần lãi hoặc lỗ lũy kế đến cuối năm trước	Giá trị phần sở hữu cuối năm nay
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An (i)	1.000.000.000	450.236.640	353.777.873	1.804.014.513
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An(ii)	5.000.000.000	6.357.352.379	3.324.979.537	14.682.331.916
Cộng	6.000.000.000	6.807.589.019	3.678.757.410	16.486.346.429

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	266.672	1.155.356.440	238.100	976.210.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	250.000	3.025.000.000	250.000	3.025.000.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội	1	2.500	4.391	10.977.500
Quý Đầu tư Chứng khoán Việt Nam	-	-	2.010	16.884.000
Cộng		4.180.358.940		4.029.071.500

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí công cụ dụng cụ	1.359.853	112.672.728	39.692.801	74.339.780
Chi phí dịch vụ email	31.500.000	-	18.000.000	13.500.000
Trạm thu phát VHF	-	44.150.000	5.518.749	38.631.251
Tủ điện cont lạnh	-	59.812.500	23.925.000	35.887.500
Bộ đòn cân phanh, thanh răng, khung chụp xe nâng	-	3.802.503.296	1.500.951.857	2.301.551.439
Cộng	32.859.853	4.019.138.524	1.588.088.407	2.463.909.970

17. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ đảm bảo thanh toán thẻ tín dụng	119.518.020	110.240.939
Đặt cọc thuê container	1.561.752.000	-
Ký quỹ VT02	17.000.000	-
Đặt cọc thuê nhà, khác	32.850.000	32.930.000
Cộng	1.731.120.020	143.170.939

18. Vay và nợ ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải	4.392.320.325	5.702.320.325
Vay dài hạn đến hạn trả		
<i>Ngân hàng Bảo Việt - Hội sở chính</i>	<i>38.129.251.080</i>	<i>12.945.633.806</i>
<i>Ngân hàng Vietcombank-CN Hải Phòng</i>	<i>8.850.078.000</i>	-
<i>Ngân hàng TP Bank</i>	<i>5.062.973.785</i>	-
Cộng	<u>56.434.623.190</u>	<u>18.647.954.131</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải	5.702.320.325	-	1.310.000.000	4.392.320.325
Vay dài hạn đến hạn trả				
<i>Ngân hàng Bảo Việt - Hội sở chính</i>	<i>12.945.633.806</i>	<i>38.129.267.952</i>	<i>12.945.650.678</i>	<i>38.129.251.080</i>
<i>Ngân hàng Vietcombank-CN Hải Phòng</i>	-	<i>8.850.078.000</i>	-	<i>8.850.078.000</i>
<i>Ngân hàng TP Bank</i>	-	<i>5.062.973.785</i>	-	<i>5.062.973.785</i>
Cộng	<u>18.647.954.131</u>	<u>52.042.319.737</u>	<u>14.255.650.678</u>	<u>56.434.623.190</u>

19. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An	4.741.482.516	-
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	1.741.086.180	1.750.672.050
Công ty Vận tải biển Anh Tú	891.995.246	891.995.246
Công ty TNHH Thương mại Dỵ Thành	150.000.000	200.000.000
Xí nghiệp Cơ khí Quang Trung	125.000.000	125.000.000
Công ty Xây dựng Thương mại Phương Nam	91.057.740	91.057.740
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	1.842.376.984	2.292.328.409
Công ty Cổ phần MHC	211.030.799	210.963.855
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	-	20.537.130
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	18.077.400	5.067.185.391
Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV - Công ty Dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng	964.921.650	936.291.950
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Hải Âu	1.055.722.000	869.908.000
Công ty Cổ phần Xếp dỡ Vận tải An Hải	937.183.500	750.269.300
Công ty TNHH Tiếp vận Sắc Việt	322.456.315	375.200.100
Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1	2.658.172.796	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

South Horizons International Petroleum (S) Pte Ltd	5.003.457.207	-
Công ty cổ phần hàng hải Đông Đô	960.028.810	-
Công ty Cổ phần thương mại Minh Dũng	421.169.018	-
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá		-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - 128 Hải Phòng	1.453.070.658	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sơn Nhựt	607.050.000	-
Công ty CP thương mại và xây lắp điện Hoàng Nhật	1.492.399.116	-
Công ty TNHH Thương mại - Kinh doanh vận tải Châu Hoàng	616.150.000	-
Các đối tượng khác	3.743.932.635	1.285.075.039
Cộng	30.047.820.570	14.866.484.210

20. Người mua trả tiền trước

Là khoản khách hàng trả trước tiền cước vận tải đường biển.

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	949.809.597	3.698.754.617	4.256.797.290	391.766.924
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	27.459.587.374	27.459.587.374	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	5.456.815.363	5.459.970.763	(3.155.400)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	100.182.862	3.397.658.312	5.464.555.586	(1.966.714.412)
Thuế thu nhập cá nhân	287.840.653	2.949.406.215	2.203.633.476	1.033.613.392
Tiền thuê đất	-	966.232.354	966.232.354	-
Các loại thuế khác	-	397.845.274	397.845.274	-
Cộng	1.337.833.112	44.326.299.509	46.208.622.117	1.425.380.316

Trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.969.869.812	311.722.002
Thuế GTGT còn được khấu trừ	25.346.568.515	5.790.528.704
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.425.380.316	1.649.555.114
Cộng	28.741.818.643	7.751.805.820

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dịch vụ bốc xếp cho tàu nước ngoài	0%
Dịch vụ cung cấp nước sạch	5%
Các dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	135.720.114.235	83.302.189.497
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(9.320.861.656)	(3.482.878.580)
- Lợi nhuận công ty liên kết	(6.807.589.019)	(3.381.792.235)
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.976.339.923	148.913.655
- Các khoản điều chỉnh giảm	(5.489.612.560)	(250.000.000)
Thu nhập chịu thuế	126.399.252.579	79.819.310.917
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	126.399.252.579	79.819.310.917
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	27.807.835.567	19.954.827.729
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	(13.388.273.553)	(11.495.048.690)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	(11.851.656.931)	(7.663.365.793)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</i>	2.567.905.083	796.413.246
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	829.753.229	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.397.658.312	796.413.246

Công ty chịu thuế suất thuế TNDN như sau:

Tại công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An:

Hoạt động khai thác cảng: Công ty xác định lại theo thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện miễn giảm thuế TNDN, công ty đầu tư cảng biển, cảng sông được ưu đãi thuế suất 10%, miễn thuế TNDN 4 năm (từ năm 2011 đến 2014), giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến 2023).

Hoạt động khai thác tàu: Phát sinh bắt đầu từ tháng 5/2014, áp dụng thuế suất phổ thông ở mức 22%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2014, Công ty được miễn thuế TNDN đối với hoạt động khai thác cảng, còn hoạt động khai thác tàu vẫn áp dụng thuế suất thuế TNDN 22%.

Tại Công ty con – Công ty TNHH Cảng Hải An: thuế suất thuế TNDN là 22%

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay chưa trả, khác	227.793.317	169.731.687
Phụ cấp Hội đồng quản trị, BKS	306.000.000	51.000.000
Cộng	533.793.317	220.731.687

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	38.609.908	53.279.958
Bảo hiểm xã hội	184.725.987	84.852.600
Bảo hiểm y tế	32.456.685	20.151.450
Bảo hiểm thất nghiệp	19.318.874	12.189.184
Cổ tức phải trả	633.220.000	53.340.000
Đoàn phí	7.143.075	10.398.000
Đảng phí	3.919.000	1.311.000
Quỹ quốc phòng địa phương	750.000	1.110.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	465.088.320	7.844.884
Cộng	1.385.231.849	244.477.076

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.043.607.952	3.164.959.361	1.953.739.100	3.254.828.213
Quỹ Hội đồng quản trị	1.719.624.914	2.373.719.520	510.000.000	3.583.344.434
Cộng	3.763.232.866	5.538.678.881	2.463.739.100	6.838.172.647

25. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận góp vốn liên doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh tàu Hải An Park số 06/HĐHTKD ngày 12 tháng 3 năm 2014 và hợp đồng hợp tác kinh doanh tàu Hải An Song số 16/HĐHTKD ngày 25

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tháng 9 năm 2014. Theo đó Công ty CP vận tải và xếp dỡ Hải An góp: 20 tỷ đồng với tàu Hải An Park và 25 tỷ đồng với tàu Hải An Song.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Transimex – Sài Gòn	20.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	15.000.000.000	-
Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần MHC	10.000.000.000	-
Công ty cổ phần hàng hải MACS	5.000.000.000	-
Cộng	60.000.000.000	-

26. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính 6.000.000 USD đã trả được 3.544.687,69 USD, mục đích thanh toán L/C và nhập khẩu máy móc thiết bị cho dự án đầu tư xây dựng bến Container Hải An - Hải Phòng, thời hạn 72 tháng, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án.

Trong kỳ, công ty vay của Bảo Việt Bank 2.500.000 USD để đầu tư mua tàu container Hải An Park theo hợp đồng tín dụng số 0034.2014/HDDTD/BVB-TTKD ngày 20/3/2014; vay của Tiên Phong Bank 1.500.000 USD để đầu tư mua tàu container Hải An Song theo hợp đồng tín dụng số 25-10.14/HDDTD/TPB.HTH ngày 16/10/2014; vay Vietcombank 2.311.574 USD theo hợp đồng số DA/2014/VCB-HA ngày 20/01/2014 và số DA02/2014/VCB-HA ngày 11/4/2014 trang bị thêm thiết bị cho hoạt động khai thác cảng.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	52.042.302.865	12.945.633.806
Trên 1 năm đến 5 năm	134.277.198.743	51.782.553.449
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	186.319.501.608	64.728.187.255

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	51.782.553.449	76.708.883.082
Tăng do vay thêm	133.525.460.538	-
CLTG đánh giá lại	2.086.584.391	643.292.035
Số tiền vay đã trả	(1.075.079.898)	(12.784.810.834)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(52.042.319.737)	(12.784.810.834)
Số cuối năm	134.277.198.743	51.782.553.449

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	231.962.320.000	38.385.998.922	(36.575.000.000)	14.430.466.733	7.763.408.871	53.703.314.564	309.670.509.090
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	82.505.776.251	82.505.776.251
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	(24.297.794.530)	(24.297.794.530)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(48.846.830.000)	(48.846.830.000)
Số dư cuối năm trước	231.962.320.000	38.385.998.922	(36.575.000.000)	14.430.466.733	7.763.408.871	63.064.466.285	319.031.660.811
Số dư đầu năm nay	231.962.320.000	38.385.998.922	(36.575.000.000)	14.430.466.733	7.763.408.871	63.064.466.285	319.031.660.811
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	133.152.209.152	133.152.209.152
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	15.824.796.803	7.912.398.402	(29.275.874.086)	(5.538.678.881)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(65.116.990.000)	(65.116.990.000)
Bán cổ phiếu quỹ	-	20.402.382.000	34.003.970.000	-	-	-	54.406.352.000
Số dư cuối năm nay	231.962.320.000	58.788.380.922	(2.571.030.000)	30.255.263.536	15.675.807.273	101.823.811.351	435.934.553.082

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	28.070.228.000	48.846.830.000
Tạm ứng cổ tức	37.046.762.000	-
Cộng	<u>65.116.990.000</u>	<u>48.846.830.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.196.232	23.196.232
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	23.196.232	23.196.232
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	257.103	3.657.500
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	22.939.129	19.538.732
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý 4/2014</u>	<u>Quý 4/2013</u>	<u>Lũy kế 2014</u>	<u>Lũy kế 2013</u>
Doanh thu dịch vụ khai thác cảng	85.388.753.214	68.547.555.686	292.801.286.289	223.575.369.954
Doanh thu vận tải đường biển	69.062.421.697	-	137.871.640.535	-
Cộng	<u>154.451.174.911</u>	<u>68.547.555.686</u>	<u>430.672.926.824</u>	<u>223.575.369.954</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 4/2014</u>	<u>Quý 4/2013</u>	<u>Lũy kế 2014</u>	<u>Lũy kế 2013</u>
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	32.448.070.471	36.689.963.002	151.293.749.063	123.784.053.927
Giá vốn hoạt động khai thác tàu	64.969.663.244	-	120.243.626.483	-
Cộng	<u>97.417.733.715</u>	<u>36.689.963.002</u>	<u>271.537.375.546</u>	<u>123.784.053.927</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bưởi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 4/2014</u>	<u>Quý 4/2013</u>	<u>Lũy kế 2014</u>	<u>Lũy kế 2013</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.105.893.096	1.587.765.061	3.384.367.695	3.197.231.411
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	-	-	579.789.672	359.268.305
Lãi tiền cho vay	62.426.835	133.097.223	355.076.001	133.097.223
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	1.700.000.000	250.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	62.503.021	-	62.503.021	1.202.778
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	293.366.174	111.732.683	622.023.236	521.333.739
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	279.587.191	-	279.587.191	-
Cộng	<u>1.803.776.317</u>	<u>1.832.594.967</u>	<u>6.983.346.816</u>	<u>4.462.133.456</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 4/2014</u>	<u>Quý 4/2013</u>	<u>Lũy kế 2014</u>	<u>Lũy kế 2013</u>
Chi phí lãi vay	2.138.491.307	1.397.450.039	5.555.661.561	5.496.483.196
Phí trả nợ tiền vay trước hạn	-	-	-	75.399.114
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.438.638.870	766.545.557	1.438.638.870	766.545.557
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	83.276.978	517.238.655	866.523.081	357.169.304
Hoàn nhập các khoản đầu tư	-	(399.892.691)	67.295.411	(136.718.700)
Cộng	<u>3.660.407.155</u>	<u>2.281.341.560</u>	<u>7.928.118.923</u>	<u>6.558.878.471</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 4/2014</u>	<u>Quý 4/2013</u>	<u>Lũy kế 2014</u>	<u>Lũy kế 2013</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.154.998.392	3.961.035.286	13.435.150.206	8.122.879.578
Chi phí vật liệu quản lý	350.845.577	325.328.260	1.268.735.550	961.506.091
Chi phí đồ dùng văn phòng	89.989.962	74.047.731	304.361.946	372.080.394
Chi phí khấu hao TSCĐ	221.742.861	262.458.837	777.086.606	891.651.724
Thuế, phí và lệ phí	8.564.670	2.951.474	67.770.015	34.142.543
Chi phí dự phòng	32.966.722	149.712.217	32.966.722	149.712.217
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.222.410.857	700.841.415	4.033.678.945	2.827.443.388
Chi phí bằng tiền khác	2.815.116.643	1.737.854.575	7.433.789.400	4.248.092.025
Cộng	<u>8.896.635.684</u>	<u>7.214.229.795</u>	<u>27.353.539.390</u>	<u>17.607.507.960</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 4/2014</u>	<u>Quý 4/2013</u>	<u>Lũy kế 2014</u>	<u>Lũy kế 2013</u>
Thu nhập từ nhượng bán thanh lý tài sản	600.000.000	454.545.455	600.000.000	1.222.727.275
Thu tiền bồi thường tổn thất	-	145.462.107	-	145.462.518

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền phạt vi phạm hợp đồng	7.300.000	5.500.000	24.900.000	54.124.565
Các khoản thu nhập khác	7.974.420	7.220.192	8.044.954	7.817.645
Cộng	615.274.420	612.727.754	632.944.954	1.430.132.003

7. Chi phí khác

	<u>Quý 4/2014</u>	<u>Quý 4/2013</u>	<u>Lũy kế 2014</u>	<u>Lũy kế 2013</u>
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	1.002.598.602	1.167.628.520	1.212.095.875	1.558.958.214
Chi phí do bị phạt vi phạm thuế	1.051.413.811	-	1.094.050.407	1.105.447
Phạt chậm nộp bảo hiểm	-	-	-	1.288.326
Bồi thường cho khách hàng	-	13.763.600	-	13.763.600
Xử lý công nợ khó đòi	-	17.500.000	-	17.500.000
Chi phí khác	172.882.070	810.000	251.513.237	4.182.206
Cộng	2.226.894.483	1.199.702.120	2.557.659.519	1.596.797.793

8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

	<u>Quý 4/2014</u>	<u>Quý 4/2013</u>	<u>Lũy kế 2014</u>	<u>Lũy kế 2013</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	181.059.114	(92.158.396)	450.236.640	268.876.664
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	(808.464.021)	2.137.048.542	6.357.352.379	3.112.915.571
Cộng	-627.404.907	2.044.890.146	6.807.589.019	3.381.792.235

Lợi nhuận sau thuế của quý 4/2014 tăng 219% so với quý 4/2013 là do những nguyên sau:

+ Năm 2014 công ty đầu tư 02 tàu container phát triển dịch vụ vận tải container phát sinh doanh thu hoạt động khai thác tàu dẫn tới tăng lợi nhuận so với quý 4/2013.

+ Công ty đầu tư thiết bị hợp lý cho Cảng nên đã tăng năng lực khai thác cho hoạt động cảng vượt mức kế hoạch. Sản lượng container qua cảng tăng dẫn tới các doanh thu của hoạt động khai thác cảng tăng đặc biệt là doanh thu về điện lạnh tăng đột biến so với quý 4/2013.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ Phần MHC	Thành viên góp vốn
Công ty Cổ Phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	Thành viên góp vốn
Công ty Cổ Phần Hải Minh	Thành viên góp vốn
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Thành viên góp vốn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Maes	Thành viên góp vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty Cổ Phần Transimex – Sài Gòn	Thành viên góp vốn
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng	Công ty con của Công ty Cổ Phần MHC- Cổ đông lớn của công ty
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Công ty con của Công ty Cổ Phần MHC- Cổ đông lớn của công ty
Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp Hải An	Công ty liên kết của công ty con

Công nợ với các bên liên quan như sau:

Số phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</i>	<i>6.003.943.872</i>	<i>1.458.025.630</i>
Phải thu về cung cấp dịch vụ cảng	6.003.943.872	1.458.025.630
<i>Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn</i>	<i>333.500.000</i>	-
Phải thu về cước tàu biển	333.500.000	-
<i>Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An</i>	<i>165.926.306</i>	<i>11.706.988.185</i>
Phải thu về dịch vụ cảng	165.926.306	2.706.988.185
Dư nợ cho vay		9.000.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Vận tải và dịch vụ hàng hải Hải Phòng</i>	<i>-47.600.000</i>	-
Phải thu về cước tàu biển	-47.600.000	-
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần hàng hải Macs tại Hải Phòng</i>	<i>258.462.943</i>	<i>188.912.425</i>
Phải thu về cước tàu biển	258.462.943	188.912.425
<i>Công ty Cổ phần đầu tư và vận tải Hải Hà</i>	<i>7.500.000.000</i>	-
Dư nợ cho vay	7.500.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp Hải An</i>	<i>1.000.000.000</i>	-
Dư nợ cho vay	1.000.000.000	-
Công phải thu	15.050.970.178	13.353.926.240

Số phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty Cổ Phần MHC</i>	<i>10.211.030.799</i>	<i>210.963.855</i>
Phải trả tiền thuê nhà	211.030.799	210.963.855
Phải trả do liên doanh liên kết	10.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ Phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà</i>	-	<i>256.622.941</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải trả tiền thuê nhà	-	256.622.941
<i>Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn</i>	<i>20.001.360.000</i>	-
Phải trả cước vận chuyển	1.360.000	-
Phải trả do liên doanh liên kết	20.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng</i>	<i>1.741.086.180</i>	<i>1.750.672.050</i>
Phải trả công nợ do sáp nhập	100.000.000	-
Phải trả cước vận chuyển, xe nâng hàng	1.641.086.180	1.750.672.050
<i>Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An</i>	<i>14.741.482.516</i>	-
Phải trả đại lý phí	4.741.482.516	-
Phải trả do liên doanh liên kết	10.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp Hải An</i>	<i>1.842.376.984</i>	<i>2.292.328.409</i>
Phải trả cước vận chuyển làm tàu, bốc xếp	1.842.376.984	2.292.328.409
<i>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</i>	<i>15.000.000.000</i>	-
Phải trả do liên doanh liên kết	15.000.000.000	-
<i>Công ty CP cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải</i>	<i>4.392.320.325</i>	<i>5.702.320.325</i>
Phải trợ nợ vay ngắn hạn	4.392.320.325	5.702.320.325
<i>Công ty Cổ phần hàng hải MACS</i>	<i>5.000.000.000</i>	-
Phải trả liên doanh liên kết	5.000.000.000	-
Cộng phải trả	72.929.656.804	10.212.907.580

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận của Công ty CP vận tải và xếp dỡ Hải An được phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm có hoạt động khai thác cảng và hoạt động khai thác tàu được thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

2.1 Thông tin về doanh thu, giá vốn, lợi nhuận gộp:

Năm nay	Lĩnh vực khai thác cảng	Lĩnh vực khai thác tàu	Cộng
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	292.891.286.289	137.871.640.535	430.762.926.824
Giá vốn hàng bán	151.293.749.063	120.333.626.483	271.627.375.546
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	141.597.537.226	17.538.014.052	159.135.551.278

2.2 Thông tin về tài sản và nợ phải trả:

Năm nay	Lĩnh vực khai thác cảng	Lĩnh vực khai thác tàu	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	405.682.619.382	199.512.266.207	605.194.885.589
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	133.569.794.344
Tổng tài sản	405.682.619.382	199.512.266.207	738.764.679.933

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bưởi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	95.495.744.714	187.274.665.778	282.770.410.492
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			20.059.716.459
Tổng nợ phải trả	95.495.744.714	187.274.665.778	302.830.126.951

Lập, ngày 05 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc



Lý Mạnh Cường